

Việt Trì, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Số: 78/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 580/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 giữa:

* Nguyên đơn: Chị H - sinh năm 1980. Địa chỉ: SN 02, ngõ 116, đường L, tổ 25, khu 3, phường N, TP. V, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh D - sinh năm 1979. Địa chỉ: SN 02, ngõ 116, đường L, tổ 25, khu 3, phường N, TP. V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: chị H và anh D có hai con chung là H, sinh ngày 1/9/2004 và N, sinh ngày 27/6/2013. Hiện nay cháu N đang ở với chị H, cháu H đang ở với anh D. Hai bên thống nhất chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là N và anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, gặp gỡ, giáo dục con chung.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh D đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận tại biên bản tự thoả thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 7/3/2019 như sau:

- Chị H và anh D thống nhất xác định vợ chồng có tài sản chung là: 01 nhà ba tầng do vợ chồng xây và 01 thửa đất số: 1101, tờ bản đồ số 33, diện tích 115 m², mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ thửa đất: tổ 25, khu 3, phường N, TP. V, tỉnh Phú Thọ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 591082 ngày 19/10/2011 do ông N, bà T cho. Hai bên thống nhất trị giá tài sản nêu trên là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

- Hai bên thống nhất thỏa thuận anh D được toàn quyền sở hữu, sử dụng 01 nhà ba tầng do vợ chồng xây và 01 thửa đất số: 1101, tờ bản đồ số 33, diện tích 115 m², mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ thửa đất: tổ 25, khu 3, phường N, TP. V, tỉnh Phú Thọ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 591082 ngày 19/10/2011 do ông N, bà T cho.

Anh D phải thanh toán cho chị H số tiền chênh lệch tài sản là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Xác nhận, ngày 07/3/2019, chị H đã nhận đủ tiền chênh lệch tài sản nêu trên từ anh D với số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận ngày 7/3/2019.

+ Về công nợ: vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Chị H và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về công sức đóng góp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H và anh D thống nhất chị H tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000395 ngày 6/12/2018 và 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000396 ngày 6/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì do chị Nguyễn Thị T nộp thay.

Hoàn lại cho chị H 10.150.000đ (mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

“Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự - sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS TP. VT
- UBND phường N
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Công Cẩn